

Số 05/KH-MGND

Nam Dong, Ngày 28 tháng 8 năm 2025

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP LÁ GHÉP 3 ĐỘ TUỔI
NĂM HỌC 2025 -2026**

Căn cứ thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của BGDDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy định về bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.

Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 15 tháng 08 năm 2025 Của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về Quyết định ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ hướng dẫn số 697/SGDDĐT-GDMN ngày 05 tháng 09 năm 2025 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Lâm Đồng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026;

Công văn số 64/VHHXH-GD ngày 09/09/2025 của Phòng văn hoá xã hội xã Nam Dong về việc triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học mầm non năm học 2025-2026.

Thực hiện kế hoạch số 15/KH-MGND ngày 10 tháng 09 năm 2025 của trường mẫu giáo Nam Dong về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình thực tế của khối lá, bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC.

Stt MT	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT			
A. Phát triển vận động			
1. Thực Hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
01	5 Tuổi	- Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh, theo nhịp bản nhạc, theo bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.
	4 Tuổi	-Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.
	3 Tuổi	- Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	

	3 tuổi	Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp - Phối hợp tay- mắt trong vận động	
05	5 Tuổi	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	+ Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. + Chạy được 150 m liên tục. + Phối hợp tay, chân nhịp nhàng. + Chạy với tốc độ chậm và đều + Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). + Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.
	4 Tuổi	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. Ném trúng đích ngang (xa 2 m). Bò đích dắc, cách nhau 3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2 m) không chệch ra ngoài.	
	3 tuổi	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	
06	5 Tuổi	-Thể hiện được sức mạnh, khéo léo.	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. + Bò đích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 m + Bò thấp chui qua cổng + Ném bóng vào rổ + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
	4 Tuổi	-Thể hiện được sức mạnh, khéo léo.	
	3 tuổi	-Thể hiện được sức mạnh, khéo léo.	
07	5 Tuổi	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bật xa tối thiểu 40-50 cm	+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật nhảy bằng cả hai chân. + Chạm đất nhẹ nhàng bằng hai đầu bàn chân và giữ được thăng bằng khi tiếp đất + Nhảy qua tối thiểu 50 cm + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật xa tối thiểu 50 cm + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 -
	4 Tuổi	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bật xa 35-40cm, bật qua vật cản 10-15cm	
	3 Tuổi	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	

			45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm + Bật nhảy theo yêu cầu của cô + Nhảy lò cò 5m.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt			
08	5 Tuổi	- Thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. Gập, mở lần lượt từng ngón tay	+ Bề, nắn. + Lắp ráp. + Xé, cắt đường vòng cung.
	4 Tuổi	- Thực hiện được các vận động: Cuộn - xoay tròn cổ tay Gập, mở các ngón tay,	+ Tô, đồ theo nét. + Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây
	3 Tuổi	- Thực hiện được các vận động:	
09	5 Tuổi	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	+ Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Cắt được theo đường viền của hình vẽ.
	4 Tuổi	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	+ Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu. + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.
	3 Tuổi	- Thực hiện được các vận động: Xoay cổ tay. Gập đan ngón tay vào nhau	+ Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).
B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
10	5 Tuổi	- Lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt cá... Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	+ Nhận biết phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
	4 Tuổi	- Biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá... có nhiều chất đạm. Rau, quả chín có nhiều vitamin.	
	3 Tuổi	- Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt cá, trứng, sữa, rau...)	
11	5 Tuổi	- Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo...	+ Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.

	4 Tuổi	- Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo.	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
	3 Tuổi	- Biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho...	
12	5 Tuổi	- Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	+ Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
	4 Tuổi	- Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	
	3 Tuổi	- Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
13	5 Tuổi	- Thực hiện được một số việc đơn giản: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	+ Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
	4 Tuổi	- Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn	
	3 Tuổi	- Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn .	
14	5 Tuổi	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo:	+ Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống như bát, đĩa, thìa, chén, ly..... thành thạo.
	4 Tuổi	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	
	3 Tuổi	- Sử dụng bát thìa cốc đúng cách.	
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			

15	5 Tuổi	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	+ Biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch trong khi ăn, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
	4 Tuổi	- Có một số hành vi tốt trong ăn uống Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...	
	3 Tuổi	Không uống nước lã - Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi	
16	5 Tuổi	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... Che miệng khi ho, hắt hơi. Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.	+ Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người + Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. + Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. + Biết bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.
	4 Tuổi	- Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...	
	3 Tuổi	Đi vệ sinh đúng nơi quy định Bỏ rác đúng nơi quy định. - Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
17	5 Tuổi	- Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi	+ Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy

	4 Tuổi	nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. - Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần.	hiểm đến tính mạng.
	3 Tuổi	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.	
18	5 Tuổi	Biết những nơi như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm đến gần.	+ Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	4 Tuổi	Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. Nhận ra những nơi như: Hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không chơi gần.	
	3 Tuổi	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở	
19	5 Tuổi	- Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:	+ Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt để bị hóc sặc,....
	4 Tuổi	- Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	+ Biết không tự ý uống thuốc.
	3 Tuổi	- Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	+ Biết: ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.
20	5 Tuổi	- Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:	+ Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	4 Tuổi	- Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	+ Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu...
	3 Tuổi	- Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	+ Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
21	5 Tuổi	-Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	+ Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.
	4 Tuổi	-Thực hiện một số quy định ở	+ Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi

	3 Tuổi	trường, nơi công cộng về an toàn. -Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI			
1. Thể hiện ý thức về bản thân			
22	5 Tuổi	- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	+ Nói được thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như : + Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình + Địa chỉ nhà, số nhà, tên phố, làng xóm + Số điện thoại gia đình và số điện thoại của bố mẹ....
	4 Tuổi	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	
	3 Tuổi	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	
23	5 Tuổi	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được	+ Sở thích và khả năng của bản thân + Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
	4 Tuổi	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	
	3 Tuổi	- Nói được điều bé thích, không thích.	
24	5 Tuổi	- Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác
	4 Tuổi	- Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	
	3 Tuổi	- Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	
25	5 Tuổi	- Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	+ Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
	4 Tuổi	- Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	
	3 Tuổi	- Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	
26	5 Tuổi	- Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	+ Thực hiện được công việc được giao + Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
	4 Tuổi	- Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	
	3 Tuổi	- Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
27	5 Tuổi	- Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	+ Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
	4 Tuổi	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	
	3 Tuổi	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	
28	5 Tuổi	- Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	+ Chủ động và độc lập trong một số hoạt động
	4 Tuổi	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	
	3 Tuổi	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh			
29	5 Tuổi	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
	4 Tuổi	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	
	3 Tuổi	- Nhận ra cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi..)	
30	5 Tuổi	- Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	+ Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
	4 Tuổi	- Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	
	3 Tuổi	- Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	
31	5 Tuổi	- Biết an ủi và chia vui với người thân bạn bè.	+ Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
	4 Tuổi	- Biết an ủi và chia vui với người thân bạn bè.	
	3 Tuổi	- Biết an ủi và chia vui với người thân bạn bè.	
32	5 Tuổi	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	+ Biết về một số hình ảnh về bác Hồ Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ.
	4 Tuổi	- Nhận ra hình ảnh Bad Hồ, lăng Bác	

	3 Tuổi	Hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	
33	5 Tuổi	-Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	+ Kính yêu Bác Hồ.
	4 Tuổi	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	
	3 Tuổi	Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	
34	5 Tuổi	- Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước
	4 Tuổi	- Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	
	3 Tuổi	- Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử trong xã hội			
35	5 Tuổi	- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	+ Một số quy định ở lớp,gia đình và nơi công cộng: để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn khi đi ngủ, đi bên phải lề đường. + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
	4 Tuổi	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	
	3 Tuổi	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	
36	5 Tuổi	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	+ Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
	4 Tuổi	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ	

	3 Tuổi	phép. - Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	
37	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. - Chú ý nghe khi cô, bạn nói - Chú ý nghe khi cô, bạn nói	+ Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
38	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Biết chờ đến lượt. - Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm.	+ Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn
39	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	-Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. - Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...) - Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...)	+ Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
40	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). - Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). - Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	+ Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
5. Quan tâm đến môi trường			
41	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc - Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc - Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên	+ Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
42	5 Tuổi 4 Tuổi	-Bỏ rác đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	+ Giữ gìn vệ sinh môi trường

	3 Tuổi	- Bỏ rác đúng nơi quy định.	
43	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	+ Giữ gìn vệ sinh môi trường
		- Ko bẻ cành, bứt hoa - Ko bẻ cành, bứt hoa	
44	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. - Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. - Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	+ Tiết kiệm điện, nước
LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ			
1. Nghe hiểu lời nói			
45	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”. - Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. - Thực hiện được các yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	+ Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. + Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
46	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...). - Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ.... - Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	+ Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
47	5 Tuổi	- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.

	4 Tuổi	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	+ Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi
	3 Tuổi	- Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	+ Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
48	5 Tuổi	- Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	+ Kể lại sự việc theo trình tự.
	4 Tuổi	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. Tăng cường tiếng việt cho trẻ.	
	3 Tuổi	- Nói rõ các tiếng.	
49	5 Tuổi	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.	+ Trả lời được các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có .
	4 Tuổi	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	
	3 Tuổi	- Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	
50	5 Tuổi	- Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...	+ Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
	4 Tuổi	- Sử dụng được câu đơn, câu ghép Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	+ Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
	3 Tuổi	- Dùng được câu đơn, câu ghép.	
51	5 Tuổi	- Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng	+ Đặt các câu hỏi: tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?...
	4 Tuổi	- Kể lại sự việc theo trình tự	
	3 Tuổi	- Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	
52	5 Tuổi	- Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi.
	4 Tuổi	- Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	
	3 Tuổi	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, cao dao...	

53	5 Tuổi	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	+ Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
	4 Tuổi	- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	
	3 Tuổi	- Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	
54	5 Tuổi	- Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	+ Đóng kịch. + Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.
	4 Tuổi	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	
	3 Tuổi	- Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	
55	5 Tuổi	- Sử dụng các từ: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	+ Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
	4 Tuổi	- Sử dụng các từ như: “Mời cô”; “Mời bạn”; “Cảm ơn”, “Xin lỗi” trong giao tiếp.	
	3 Tuổi	- Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	
56	5 Tuổi	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	4 Tuổi	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	
	3 Tuổi	- Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	
3. Làm quen với việc đọc – viết			
57	5 Tuổi	- Chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Phân biệt được mở đầu, kết thúc của sách. + Giữ gìn và bảo vệ sách.
	4 Tuổi	- Chọn sách để xem.	
	3 Tuổi	- Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	
58	5 Tuổi	- Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	+ “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
	4 Tuổi	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	
	3 Tuổi	- Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	

59	5 Tuổi	- Biết cách đọc sách, từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu đến cuối sách	+ Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt.
	4 tuổi	- Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. Đọc sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)	+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
	3 Tuổi	- Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	
60	5 Tuổi	- Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	+ Làm quen với 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào,cấm lửa, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...)
	4 Tuổi	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm .	
	3 Tuổi	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm .	
61	5 Tuổi	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt - Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	+Nhận dạng các chữ cái. + Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
	4 Tuổi	- Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt - Sử dụng ký hiệu để viết tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	
	3 Tuổi	- Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt - Sử dụng ký hiệu để viết tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	
LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			
A. Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
62	5 Tuổi	-Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	+ Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. + Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.
	4 Tuổi	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?....	

	3 Tuổi	- Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	
63	5 Tuổi	- Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	+ Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây
	4 Tuổi	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	
	3 Tuổi	- Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	
64	5 Tuổi	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. - VD : Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển.	+ Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống của con người, con vật và cây.
	4 Tuổi	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	
	3 Tuổi	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	
65	5 Tuổi	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	+ Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. + Ích lợi của nước với đời sống con người, nước con vật, và cây. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
	4 Tuổi	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	
	3 Tuổi	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh	

		ảnh và trò chuyện về đối tượng.	
66	5 Tuổi	- Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	+ Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
	4 Tuổi	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	+ Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.
	3 Tuổi	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật.	
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
67	5 Tuổi	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	+ Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, với môi trường sống.
	4 Tuổi	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	
	3 Tuổi	- Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng đơn giản khi được hỏi.	
68	5 Tuổi	- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	+ Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
	4 Tuổi	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: “Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn”.	
	3 Tuổi	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
69	5 tuổi	- Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.
	4 tuổi	- Nhận xét trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
	3 Tuổi	- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	
70	5 Tuổi	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Nhập vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề, gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng công viên.....
	4 Tuổi	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua	- Hát các bài hát về cây con vật, mưa,

	3 Tuổi	hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... - Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	bầu trời..... - Vẽ, xé dán, nặn các con vật...mây, mưa, mặt trăng....
B. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng.			
71	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?... - Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... - Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	- Làm quen và chơi với các chữ số, biết đếm các vật ở xung quanh lớp hoặc trong các trò chơi làm quen với toán.
72	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	+ Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
73	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất - So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	+ Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. + So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. + So sánh số lượng của ba đối tượng trong phạm vi 10
74	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Gộp các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. - Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	+ Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. + Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm

		- Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	
75	5 Tuổi	- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.	+ Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
	4 Tuổi	- Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	+ Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn
	3 Tuổi	Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	
76	5 Tuổi	- Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	+ Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
	4 Tuổi	- Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự .	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
	3 Tuổi	- Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự	
77	5 Tuổi	- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
	4 Tuổi	- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	
	3 Tuổi	- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	
2. Sắp xếp theo quy tắc			
78	5 Tuổi	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	+ So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
	4 Tuổi	- Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	
	3 Tuổi	- Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	
79	5 Tuổi	- Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	+ Tạo ra qui tắc sắp xếp.
	4 Tuổi	- Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại .	
	3 Tuổi	- Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	
80	5 Tuổi	- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục	+ Tạo ra quy tắc sắp xếp

	4 Tuổi	sắp xếp. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	
	3 Tuổi	- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	
3. So sánh hai đối tượng			
81	5 Tuổi	- Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	+ Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.
	4 Tuổi	- Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	+ Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
	3 Tuổi	- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ : to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	+ Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
4. Nhận biết hình dạng			
82	5 Tuổi	- Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	+ Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
	4 Tuổi	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	+ Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	3 Tuổi	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	+ Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			
83	5 Tuổi	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	+ Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
	4 Tuổi	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	
	3 Tuổi	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	
84	5 Tuổi	- Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	+ Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.
	4 Tuổi	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo một	+ Gọi tên các thứ trong tuần. + Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối.

	3 Tuổi	trình tự thời gian trong ngày. - Mô tả các sự kiện xảy ra theo một trình tự thời gian trong ngày.	
C. Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường, lớp mầm non và cộng đồng			
85	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	+ Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. + Họ tên tuổi giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
86	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	+ Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. + Họ tên công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình
87	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện. Nói được địa chỉ của gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	+ Địa chỉ gia đình. + Địa chỉ gia đình.
88	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên, địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Nói được tên trường/ lớp,	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; + Tên địa chỉ của trường lớp.
89	5 Tuổi	- Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường	+ Những công việc của các cô bác trong trường.

	4 Tuổi	khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên và công việc của các cô giáo và các cô bác trong trường.
	3 Tuổi	- Nói được tên cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	
90	5 Tuổi	- Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
	4 Tuổi	- Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	
	3 Tuổi	- Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
91	5 Tuổi	- Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”	+ Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
	4 Tuổi	- Kể tên, công việc công cụ, sản phẩm/ lợi ích... của một số nghề phổ biến nghề khi được hỏi trò chuyện.	
	3 Tuổi	- Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh			
92	5 Tuổi	- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ: “ Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ em nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...” .	+ Đặc điểm nổi bật của thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
	4 Tuổi	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	
	3 Tuổi	- Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	
93	5 Tuổi	+ Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	+ Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh
	4 Tuổi	+ Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa	

	3 Tuổi	phương. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	
LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
94	5 Tuổi	- Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	+ Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	4 Tuổi	- Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	
	3 Tuổi	- Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	
95	5 Tuổi	- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	+ Thể hiện thái độ, chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc như: (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
	4 Tuổi	- Chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	
	3 Tuổi	- Chú ý nghe, thích được hát theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	
96	5 Tuổi	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	+ Thể hiện sự thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng, bố cục..., của các tác phẩm tạo hình.
	4 tuổi	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc	

	3 Tuổi	của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. - Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
97	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... - Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ - Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. + Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). + Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
98	5 Tuổi 4 tuổi 3 Tuổi	- Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). - Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa) - Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp).
99	5 Tuổi 4 tuổi 3 Tuổi	- Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	+ Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
100	5 Tuổi 4 Tuổi	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	+ Phối hợp các kỹ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, đường nét và bố cục.

	3 Tuổi	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	
101	5 Tuổi	- Phối hợp các kĩ năng cắt, xé, dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	+ Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.
	4 Tuổi	- Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	
	3 Tuổi	- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	
102	5 Tuổi	- Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	+ Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước/ đường nét cân đối.
	4 Tuổi	- Làm lõm, dõ bẹt, bẻ lồi, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	
	3 Tuổi	- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	
103	5 Tuổi	- Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	+ Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng hài hoà, bố cục cân đối.
	4 Tuổi	- Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	
	3 Tuổi	- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	
104	5 Tuổi	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	4 Tuổi	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	
	3 Tuổi	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật			
105	5 Tuổi	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	+ Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
	4 Tuổi	- Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. - Vận động theo ý thích các bài hát,	

	3 Tuổi	bản nhạc quen thuộc.	
106	5 Tuổi 4 Tuổi 3 Tuổi	- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	+ Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
107	5 Tuổi 4 tuổi 3 Tuổi	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích - Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
108	5 Tuổi 4 tuổi 3 Tuổi	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.

*** Lưu ý:** Khuyến khích tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi, phương pháp giáo dục tiên tiến...

Tích hợp/lồng ghép “*giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em*” bảo đảm điều kiện, môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: giáo dục quyền con người, giáo dục giới; an toàn giao thông; tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong thực hiện Chương trình GDMN.

Nơi nhận

- HT, PHT (chỉ đạo)
- TK, GV (thực hiện)
- Lưu HSCM

PHT

Nông Thị Thuý Chinh

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Thị Đan